

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 03 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng;
2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp 6, xã 3, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06/11/2020, Biên bản phiên họp ngày 20/01/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Tú T và anh Lê Văn C do mai mối nên tổ chức đám cưới vào năm 2015 và anh chị đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/3/2016.

Thời gian đầu cuộc sống anh chị có hạnh phúc, nhưng đôi lúc cũng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Khoảng tháng 9 năm 2017 thì mâu thuẫn càng nhiều, vợ chồng hay bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, hay cãi vã. Anh C hành hung đánh đập chị T nhiều lần, gia đình có khuyên can nhưng không được. Anh chị sống ly thân từ 12/2017 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh, chị không hàn gắn tình cảm để cùng sống chung với nhau được.

Hiện nay, chị T không còn tình cảm với anh C. Nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn C.

+ *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Tú T và anh Lê Văn C có một con chung là Lê Thị Bảo C1, sinh ngày 24/7/2015. Hiện cháu C1 đang sống với anh C.

Chị Nguyễn Thị Tú T thống nhất giao cháu Lê Thị Bảo C1, sinh ngày 24/7/2015 cho anh Lê Văn C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thị Tú T không cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn C không có ý kiến trình bày.*

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú T: Cho chị Nguyễn Thị Tú T được ly hôn với anh Lê Văn C; Giao cháu Lê Thị Bảo C1, sinh ngày 24/7/2015 cho anh Lê Văn C được quyền nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết trong vụ án khác.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện 06/11/2020 của chị Nguyễn Thị Tú T;
- Trích lục kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Tú T và anh Lê Văn C;
- Trích lục khai sinh của Lê Thị Bảo C1, sinh ngày 24/7/2015;
- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị Nguyễn Thị Tú T;
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện;
- Đơn xin vắng mặt;

- Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Văn C cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Tú T vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Tú T là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 08 tháng 03 năm 2021 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2021 vụ án được xét xử vào lúc 13 giờ 40 ngày 31 tháng 03 năm 2021 bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Văn C là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú T và anh Lê Văn C do mai mối nên tổ chức đám cưới vào năm 2015 và anh chị đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/3/2016. Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Tú T và anh Lê Văn C là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Tú T xác định: Trong thời gian chị Nguyễn Thị Tú T và anh Lê Văn C chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, anh chị không có hàn gắn, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tú T và anh Lê Văn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của của chị Nguyễn Thị Tú T đối với anh Lê Văn C là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, từ lúc chị Nguyễn Thị Tú T và anh Lê Văn C ly thân cho đến nay, cháu Lê Thị Bảo C1, sinh ngày 24/7/2015 sống với anh Lê Văn C. Chị Nguyễn Thị Tú T thống nhất giao cháu Lê Thị Bảo C1, sinh ngày 24/7/2015 cho anh Lê Văn C được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu. Đồng thời, để tránh việc thay đổi môi trường sống của cháu. Nên cần tiếp tục giao cháu Lê Thị Bảo C1, sinh ngày 24/7/2015 cho anh Lê Văn C được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Lê Văn C trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở chị Nguyễn Thị Tú T không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Tú T không cấp dưỡng nuôi con, nhưng không có ý kiến của anh Lê Văn C. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Tú T xác định chị và anh Lê Văn C không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh Lê Văn C, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú T được ly hôn với anh Lê Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Bảo C1, sinh ngày 24/7/2015 cho anh Lê Văn C được quyền nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Chị Nguyễn Thị Tú T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Anh Lê Văn C cùng các thành viên gia đình không cản trở chị Nguyễn Thị Tú T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tú T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0006841 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Thị Tú T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn C không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 2, huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Trinh